

-Bản án số: **39/2026/HNGĐ-ST**
-Ngày: 25/02/2026
- V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trương Hoàng Hoa**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

- *Thư ký phiên tòa:* ông **Nguyễn Sỹ Đăng** Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Tháp không tham gia phiên tòa.*

Ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 353/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Thị P**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Số CCCD 082176007122 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 11/8/2021

Địa chỉ: ấp Tân Thuận, xã Bình Ninh, tỉnh Đồng Tháp

2. Bị đơn: **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Số CCCD 082076007881 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 06/9/2022

Địa chỉ: **ấp T, xã B, tỉnh Đồng Tháp**

Chỗ ở hiện nay: **ấp B, xã A, tỉnh Đồng Tháp**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn **Võ Thị Phương trình B**: Chị và anh **T** qua tìm hiểu, tự nguyện kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **B**, huyện **C**, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã **A**, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 13/6/2005. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc cho đến năm 2025 giữa vợ chồng sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được và anh chị đã sống ly thân nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Chị và anh **T** có con chung tên **Nguyễn Ngọc Phương Q**, sinh ngày 17/02/2006, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị **Phương trình B** chị và anh **T** có tài sản chung nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị **Phương trình B** chị và anh **T** không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt.

** Bị đơn **Nguyễn Ngọc T** có đến Tòa án để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh không trình bày ý kiến, tự ý bỏ về và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ đến dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị **Võ Thị P** và anh **Nguyễn Ngọc T** là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **B**, huyện **C**, tỉnh **Tiền Giang** (nay là Ủy ban nhân dân xã **A**, tỉnh **Đồng Tháp**) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 13/6/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bị đơn thường trú tại xã **B**, tỉnh **Đồng Tháp**. Nay chị **P** xin ly hôn với anh **T**, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "xin ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị **P** yêu cầu ly hôn với anh **T** vì thời gian qua giữa vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh **T**.

Xét thấy, mâu thuẫn ban đầu giữa vợ chồng không lớn nhưng anh, chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm nên chị **T1** xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh **T** đến trình bày ý kiến, tổ chức hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng khi anh **T** đến Tòa án, anh không trình bày ý kiến và tự ý bỏ về và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh không có văn bản thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị **P** chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **P**, cho chị được ly hôn với anh **T**.

[4] Về con chung:

Chị **P** và anh **T** có con chung tên **Nguyễn Ngọc Phương Q**, sinh ngày 17/02/2006, đã trưởng thành, các bên không có tranh chấp về con chung.

Xét thấy, cháu **Nguyễn Ngọc Phương Q** đã trưởng thành, các bên không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị **P** trình bày chị và anh **T** có tài sản chung nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh **T** vắng mặt nên Hội đồng xét xử không giải quyết, trường hợp sau này các bên có tranh chấp chia tài sản chung sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[6] Về nợ chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị **P** trình bày vợ chồng chị không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh **T** vắng mặt và không có ý kiến vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp sau này anh, chị có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị **P** phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, chị **P** và anh **T** được quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự...

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Võ Thị P.**

1. Về hôn nhân: Chị **Võ Thị P** được ly hôn với anh **Nguyễn Ngọc T.**

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị **Võ Thị P** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004728 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị **P** đã nộp xong án phí.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, chị **P và anh **T** được quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm.**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã An Thạnh Thủy
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa



Phạm Văn Tài

